

2023年度 パシフィック・リーグ選手権試合日程

2022. 11. 21
パシフィック野球連盟

節	月日	曜	[第 一 期]		
1	3/30	木	F-E		
	31	金		L-B	H-M
	4/1	土	F-E	L-B	H-M
	2	Ⓜ	F-E	L-B	H-M
	3	月			
2	4	火	E-L	M-F	B-H
	5	水	E-L	M-F	B-H
	6	木	E-L	M-F	B-H
	7	金		B-F	
	8	土	M-E	B-F	H-L (宮崎)
	9	Ⓜ	M-E	B-F	H-L (鹿児島)
	10	月			
	11	火	E-B	L-M	H-F
3	12	水	E-B	L-M	H-F
	13	木		L-M (県営大宮)	
	14	金	F-L	E-H	M-B
	15	土	F-L	E-H	M-B
	16	Ⓜ	F-L	E-H	M-B
	17	月			
	18	火	F-M	L-H (東京ドーム)	B-E
4	19	水	F-M	L-H	B-E
	20	木	F-M		B-E
	21	金	E-F	M-H	B-L
	22	土	E-F	M-H	B-L
	23	Ⓜ	E-F	M-H	B-L
	24	月			
	25	火	F-B	M-L	H-E (北九州)
5	26	水	F-B	M-L	H-E
	27	木			H-E
	28	金	F-H	L-E	B-M
	29	Ⓜ	F-H	L-E	B-M
	30	Ⓜ	F-H	L-E	B-M
	5/1	月			
	2	火	E-M	L-F	H-B
6 前半	3	Ⓜ	E-M	L-F	H-B
	4	Ⓜ	E-M	L-F	H-B

節	月日	曜	[第 二 期]		
6 後半	5/5	Ⓜ	F-E	M-H	B-L
	6	土	F-E	M-H	B-L
	7	Ⓜ	F-E	M-H	B-L
	8	月			
	9	火	E-B	L-M	H-F (熊本)
7	10	水	E-B	L-M	H-F
	11	木	E-B	L-M	H-F
	12	金		L-E	B-H
	13	土	F-M	L-E	B-H
	14	Ⓜ	F-M	L-E	B-H
	15	月			
	16	火	F-L	E-H (盛岡)	M-B
8	17	水	F-L	E-H (山形市)	M-B
	18	木	F-L		M-B
	19	金	E-M	B-F	H-L
	20	土	E-M	B-F	H-L
	21	Ⓜ	E-M	B-F	H-L
	22	月			
	23	火	F-H	M-L	B-E (ほっと神戸)
	24	水	F-H	M-L	B-E (ほっと神戸)
9	25	木	F-H		
	26	金	E-F	L-B	
	27	土	E-F	L-B	H-M
	28	Ⓜ	E-F	L-B	H-M
	29	月			
	セ・パ交流戦				
10	6/23	金	E-L	M-F	H-B
	24	土	E-L	M-F	H-B
	25	Ⓜ	E-L	M-F	H-B
	26	月			H-E (東京ドーム)
11	27	火	L-F (那覇)	B-M	
	28	水	L-F (那覇)	B-M	H-E
	29	木			H-E
	30	金	F-B	L-H	M-E
	7/1	土	F-B	L-H	M-E
	2	Ⓜ	F-B	L-H	M-E
	3	月			

2023年度 パシフィック・リーグ選手権試合日程

2022. 11. 21
パシフィック野球連盟

節	月日	曜	[第 三 期]		
12	7/4	火	E-B (東京ドーム)	M-L	H-F
	5	水	E-B	M-L	H-F
	6	木	E-B	M-L	H-F
	7	金		E-H	
	8	土	F-M	E-H	B-L (ほっと神戸)
	9	Ⓣ	F-M	E-H	B-L
	10	月			H-L (京セラD大阪)
	13	11	火	F-E	B-M
12		水	F-E	B-M	H-L (北九州)
13		木	F-E	B-M (ほっと神戸)	H-L
14		金			
15		土	L-F	M-E	H-B
16		Ⓣ	L-F	M-E	H-B
17		Ⓣ	L-F	M-E	H-B
18		火			
14	19	水	オールスターゲーム①(バンテリンドーム)		
	20	木	オールスターゲーム②(マツダスタジアム)		
	21	金	予備日		
15	22	土	L-E	M-H	B-F (ほっと神戸)
	23	Ⓣ	L-E	M-H	B-F (ほっと神戸)
	24	月			
16	25	火	E-F	L-M	B-H
	26	水	E-F	L-M	B-H
	27	木	E-F		
	28	金	F-B	E-L	H-M
	29	土	F-B	E-L	H-M
	30	Ⓣ	F-B	E-L	H-M
	31	月			
17前半	8/1	火	L-H	M-F	B-E
	2	水	L-H	M-F	B-E
	3	木		M-F	B-E
	4	金	F-H	E-M	L-B
	5	土	F-H	E-M	L-B
	6	Ⓣ	F-H	E-M	L-B
	7	月			

節	月日	曜	[第 四 期]		
17後半	8/11	Ⓣ	E-B	M-L	H-F
	12	土	E-B	M-L	H-F
	13	Ⓣ	E-B	M-L	H-F
	14	月			
18	15	火	F-M	L-E	B-H
	16	水	F-M	L-E	B-H
	17	木	F-M	L-E	B-H
	18	金	E-M	B-F	H-L
	19	土	E-M	B-F	H-L
	20	Ⓣ	E-M	B-F	H-L
	21	月			
19	22	火	F-E	L-B	M-H
	23	水	F-E	L-B	M-H
	24	木		L-B	M-H
	25	金	E-H	L-F	B-M
	26	土	E-H	L-F	B-M
	27	Ⓣ	E-H	L-F	B-M
	28	月			
	29	火	E-L	M-F	H-B (長崎)
20	30	水	E-L	M-F	H-B
	31	木	E-L	M-F	H-B
	9/1	金	F-B	L-H	M-E
	2	土	F-B	L-H	M-E
	3	Ⓣ	F-B	L-H	M-E
	4	月			
	5	火	E-F	B-L (ほっと神戸)	H-M
21	6	水	E-F	B-L (ほっと神戸)	H-M
	7	木			H-M
	8	金	F-L	M-B	H-E
	9	土	F-L	M-B	H-E
	10	Ⓣ	F-L	M-B	H-E
	11	月			
22前半	12	火	F-B	L-H	M-E
	13	水	F-B	L-H	M-E
	14	木		L-H	

2023年度 パシフィック・リーグ選手権試合日程

2022. 11. 21
パシフィック野球連盟

節	月日	曜	[第 五 期]		
22 後半	9/15	金			
	16	土	F-H	L-M	B-E
	17	Ⓣ	F-H	L-M	B-E
	18	Ⓣ	F-H	L-M	B-E
23	19	火	E-H	L-F	B-M
	20	水	E-H	L-F	B-M
	21	木	E-L		H-M
	22	金			
	23	Ⓣ	E-F	L-M	H-B
	24	Ⓣ	E-F	M-H	B-L
	25	月	F-E	M-H	B-L
	26	火	F-M		B-L
24	27	水	F-M	L-E	B-H
	28	木	F-M	E-B	
	29	金			H-L
	30	土	M-L	B-E	H-F
	10/1	Ⓣ	M-L	B-E	H-F
25	2	月	M-L	B-F	
	3	火			
	4	水			
	5	木			
	6	金			
	7	土			
	8	Ⓣ			
26	9	Ⓣ			
	10	火			
	11	水			
	12	木			
	13	金			

節	月日	曜			
	10/14	土			
	15	Ⓣ			
	16	月			
	17	火			
	18	水			
	19	木			
	20	金			
	21	土			
	22	Ⓣ			
	23	月			
	24	火			
	25	水			
	26	木			